

ベトナム語の趣味

 thể thao	 âm nhạc
 phim	 đọc
 bức vẽ	 bức tranh
 nhiếp ảnh	 đàn ghi-ta

片面印刷し、中央の点線で折って、グレーの線で切り取ってください

音楽 Âm nhạc đó nghe rất hay. あの音楽はとてもきれいに聞こえます。 レッスン148・趣味と自由時間	スポーツ Tôi thích chơi thể thao ngoài trời. 私は外でスポーツをするのが楽しいです。 レッスン148・趣味と自由時間
読書 Họ thích đọc sách mỗi ngày. 彼らは毎日、読書を楽しんでいます。 レッスン148・趣味と自由時間	映画 Mấy giờ phim bắt đầu? 映画は何時に始まりますか？ レッスン148・趣味と自由時間
絵画 Cô ấy rất thích bức tranh này. 彼女はその絵画がとても好きです。 レッスン148・趣味と自由時間	絵 Đây là một bức vẽ đẹp. これはきれいな絵です。 レッスン148・趣味と自由時間
ギター Anh ấy chơi đàn ghi-ta rất giỏi. 彼はギターを上手に弾きます。 レッスン148・趣味と自由時間	写真 Tôi thích nhiếp ảnh như một sở thích. 私は趣味で写真が好きです。 レッスン148・趣味と自由時間

ベトナム語の趣味

片面印刷し、中央の点線で折って、グレーの線で切り取ってください

 màu nước	 màu acrylic	アクリル絵の具 Họ thích dùng màu acrylic. 彼らはアクリル絵の具が好きです。 レッスン150・クリエイティブな趣味	水彩画 Anh ấy chủ yếu vẽ bằng màu nước và mực. 彼は主に水彩画とインクで描いています。 レッスン150・クリエイティブな趣味
 đất sét	 tượng điêu khắc	彫刻 Chúng tôi thích bức tượng điêu khắc bằng kim loại đó. 私たちはあの金属の彫刻が好きです。 レッスン150・クリエイティブな趣味	粘土 Cái nồi của bạn có được làm bằng đất sét không? あなたの壺は粘土でできていますか？ レッスン150・クリエイティブな趣味
 đan len	 may vá	裁縫 Kỹ năng may vá của cô ấy tiến bộ mỗi tuần. 彼女の裁縫の技術は毎週上達しています。 レッスン150・クリエイティブな趣味	編む Cô ấy thích đan len những chiếc khăn ấm áp. 彼女は暖かいマフラーを編むのを楽しみます。 レッスン150・クリエイティブな趣味
 chỉ	 cái kim	針 Họ dùng một cái kim khâu. 彼らは縫い針を使います。 レッスン150・クリエイティブな趣味	糸 Sợi chỉ này rất chắc. この糸はとても強いです。 レッスン150・クリエイティブな趣味

 lều	 túi ngủ	寝袋 Túi ngủ giữ cho bạn ấm áp. 寝袋は体を温めてくれます。 レッスン151・アウトドアの趣味	テント Chúng tôi cần một cái lều để đi cắm trại. キャンプにはテントが必要です。 レッスン151・アウトドアの趣味
 bãi cắm trại	 đống lửa trại	キャンプファイヤー Họ ngồi gần đống lửa trại. 彼らはキャンプファイヤーの近くに座りました。 レッスン151・アウトドアの趣味	キャンプ場 Gần bờ sông, chúng tôi tìm thấy một bãi cắm trại. 川の近くで、私たちはキャンプ場を見つけました。 レッスン151・アウトドアの趣味
 đèn pin	 la bàn	コンパス Chúng ta cần một chiếc la bàn tốt. 良いコンパスが必要です。 レッスン151・アウトドアの趣味	懐中電灯 Anh ấy cần một cái đèn pin mới. 彼は新しい懐中電灯が必要です。 レッスン151・アウトドアの趣味
 ống nhòm	 giày leo núi	登山靴 Giày leo núi rất tốt cho những con đường mòn. 登山靴は山道に適しています。 レッスン151・アウトドアの趣味	双眼鏡 Cái đó giúp nhìn bằng ống nhòm. それは双眼鏡で見るのに役立ちます。 レッスン151・アウトドアの趣味

 bản đồ đường mòn	 thuốc chống côn trùng	虫除け Bạn có mang theo thuốc chống côn trùng cho chuyến đi không? 旅行に虫除けを持ってきましたか？ レッスン151 - アウトドアの趣味	登山地図 Cô ấy thường xuyên sử dụng bản đồ đường mòn. 彼女はよく登山地図を使います。 レッスン151 - アウトドアの趣味
 bình giữ nhiệt	 hộp sơ cứu	救急箱 Chúng ta cần hộp sơ cứu. 救急箱が必要です。 レッスン151 - アウトドアの趣味	魔法瓶 Cái bình giữ nhiệt đó giữ cho cà phê luôn nóng. その魔法瓶はコーヒーを温かく保ちます。 レッスン151 - アウトドアの趣味